

Số: /KH-UBND

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2025

Thực hiện Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 05 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1393/TTr-SCT ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Tờ trình số 1496/TTr-SCT ngày 14 tháng 5 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Hải Dương năm 2025 nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (CNNTTB) cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp Quốc gia năm 2025, nhằm phát hiện, tôn vinh được các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước; góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại nông thôn, phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

2. Tạo động lực cho cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) phát huy lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Đồng thời, tận dụng nguyên liệu tại địa phương, giải quyết việc làm tại chỗ, đóng góp vào việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và của tỉnh.

3. Lựa chọn được các sản phẩm CNNTTB của tỉnh nhằm chuẩn bị tham gia bình chọn công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía Bắc và cấp Quốc gia.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Công tác tuyên truyền

Tuyên truyền, vận động, thông báo rộng rãi cho các đơn vị tổ chức, cơ sở CNNT trên địa bàn về nội dung chủ yếu của việc bình chọn sản phẩm CNNTTB các cấp: Huyện, Tỉnh, khu vực, cấp Quốc gia năm 2025 trên Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hải Dương, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, hệ thống Đài truyền thanh cơ sở, bản tin Website của Sở Công Thương.

2. Đối tượng và sản phẩm tham gia bình chọn

- Đối tượng tham gia bình chọn: các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thị xã Kinh Môn, thành phố Chí Linh và các phường thuộc thành phố Hải Dương được chuyển đổi từ xã chưa quá 5 năm (*theo hướng dẫn tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012*), bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (*sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn*).

- Sản phẩm tham gia bình chọn:

+ Là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn.

+ Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

+ Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Phân nhóm các sản phẩm tham gia bình chọn:

+ Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

+ Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm.

+ Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí.

+ Nhóm các sản phẩm khác.

3. Nguyên tắc bình chọn

a) Việc bình chọn sản phẩm CNNTTB phải được thực hiện một cách dân chủ, công khai và minh bạch; thực hiện các quy định của Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương, Thông tư 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương và quy định của Nhà nước về giải thưởng hiện hành.

b) Được bình chọn theo các cấp, gồm: cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực và cấp Quốc gia.

c) Một cơ sở CNNT có thể đăng ký tham gia bình chọn cho một hoặc nhiều sản phẩm. Một sản phẩm có thể đăng ký tham gia nhiều kỳ bình chọn.

d) Cơ sở CNNT gửi sản phẩm tham gia bình chọn trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin liên quan đến sản phẩm của mình.

4. Hồ sơ đăng ký bình chọn sản phẩm CNNTTB các cấp

Theo mẫu tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương. (*Chi tiết theo Phụ lục 01; Phụ lục số 02 kèm theo*).

5. Hội đồng bình chọn (HĐBC)

a) Thành phần HĐBC các cấp:

- Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập gồm 07 thành viên, trong đó: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo Sở Công Thương làm phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng, các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số cơ quan đơn vị, tổ chức có liên quan như: các sở: Nội vụ, Tài chính, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Môi trường; các nhà khoa học; các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

- Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện do Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Quyết định thành lập gồm 05 - 07 thành viên, trong đó: Lãnh đạo UBND cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng; Lãnh đạo Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng; các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số cơ quan đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn..

Thành viên HĐBC hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ sung, thay thế các thành viên HĐBC do người có thẩm quyền thành lập HĐBC cùng cấp quyết định.

b) Nhiệm vụ của HĐBC:

- HĐBC các cấp có nhiệm vụ: hướng dẫn cơ sở CNNTTB lập hồ sơ đăng ký bình chọn; thành lập Ban Giám khảo và tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB của cấp tương ứng đề xuất, trình cấp thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB.

- HĐBC cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực có trách nhiệm lựa chọn, lập danh sách các sản phẩm CNNTTB nhất của cấp tương ứng để đề xuất, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh và Khuyến Công phê duyệt đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn.

- HĐBC có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc; xử lý kiến nghị và khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn do HĐBC cấp đó thực hiện.

6. Ban giám khảo (BGK)

a) Thành phần BGK:

- BGK do Chủ tịch HĐBC quyết định thành lập, gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên.

- Số lượng thành viên của BGK cấp huyện 07 thành viên; cấp tỉnh 13 thành viên.

- Thành viên của BGK là các nhà khoa học, các chuyên gia, cán bộ quản lý, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các nhóm sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, thành viên của BGK có thể là thành viên của HĐBC.

b) Nhiệm vụ của BGK:

- BGK có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm, giúp HĐBC đánh giá, lựa chọn các sản phẩm CNNTTB bằng cách chấm điểm.

- BGK tiến hành chấm điểm theo mẫu phiếu chấm điểm tại phụ lục số 04 Thông tư 26/2014/TT-BCT; việc chấm điểm phải đảm bảo nguyên tắc độc lập, công bằng, khách quan, minh bạch, kết luận theo đa số. Từng thành viên BGK chịu trách nhiệm trước HĐBC về kết quả bình chọn.

- Trong trường hợp đặc biệt (sản phẩm có kích thước trọng lượng quá lớn hoặc sản phẩm có đặc điểm, đặc thù không phù hợp khi vận chuyển, bảo quản) cơ sở CNNT tham gia bình chọn không thể gửi sản phẩm đến địa điểm quy định, Chủ tịch HĐBC sẽ xem xét và quyết định phương thức bình chọn đối với sản phẩm đó.

- Trưởng BGK lập biên bản tổng hợp kết quả bình chọn gửi HĐBC.

7. Trình tự bình chọn

a) Tổ chức bình chọn theo từng cấp: từ cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia.

b) Trong trường hợp không tổ chức bình chọn cấp huyện, thì cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ như quy định tại mục số 4 của Kế hoạch này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản gửi đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (*Chi tiết theo Phụ lục số 03 kèm theo*).

8. Tiêu chuẩn chấm điểm

Bình chọn sản phẩm CNNTTB, theo thang điểm 100, gồm 4 tiêu chí. Sản phẩm được bình chọn là sản phẩm tiêu biểu phải có tổng số điểm bình quân đạt từ 70 trở lên (*Chi tiết theo Phụ lục số 04; Phụ lục số 05 kèm theo*).

9. Công nhận sản phẩm CNNTTB cấp huyện, cấp tỉnh

a) Sản phẩm tham gia bình chọn đạt 70 điểm trở lên sẽ được Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định công nhận cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB của từng cấp. Cơ cấu và số lượng sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn quyết định.

b) Một cơ sở sản xuất CNNT có thể có nhiều sản phẩm đăng ký bình chọn, sau khi bình xét đạt kết quả sẽ được cấp Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân các cấp cho từng sản phẩm tiêu biểu.

c) Giấy chứng nhận từng cấp theo Phụ lục số 06 gồm: Mẫu số 01, 02, 03, 04 tại Thông tư 26/2014/TT-BCT.

d) Tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB: Theo quy định tại Điều 18, Chương IV Thông tư số 26/2014/TT-BCT, tổ chức nghiêm túc, trang trọng, phù hợp với điều kiện cụ thể của huyện, tỉnh. Khuyến khích các đơn vị tổ chức sự kiện, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan đơn vị truyền thông, các doanh nghiệp tham gia, phối hợp với HĐBC trong việc tuyên truyền về công tác bình chọn, tổ chức tôn vinh và quảng bá cho sản phẩm được công nhận.

10. Quyền lợi của các đơn vị có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận

- Được phép in hoặc dán nhãn Logo của Chương trình bình chọn sản phẩm CNNTTB trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm được công nhận.

- Được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB các cấp (có giá trị tính từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ 4) và các giải thưởng khác kèm theo của HĐBC các cấp.

- Được thưởng bằng tiền mặt cho sản phẩm được bình chọn là sản phẩm CNNTTB: cấp huyện 02 triệu đồng/sản phẩm, cấp tỉnh 03 triệu đồng/sản phẩm, cấp khu vực, cấp quốc gia thực hiện theo quy định.

- Được ưu tiên xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công và các nguồn kinh phí khác để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị, xúc tiến thương mại, đào tạo lao động... theo các chương trình khuyến công quốc gia và địa phương.

- Được tư vấn, tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác của Nhà nước cho đầu tư phát triển sản phẩm CNNTTB theo quy định.

- Được đăng tải thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện thông tin của ngành Công Thương như: ấn phẩm khuyến công, trang thông tin điện tử của Sở Công Thương; của Cục Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công thương đối với các sản phẩm đạt giải cấp khu vực và cấp Quốc gia.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Kinh phí được bố trí từ nguồn Ngân sách Nhà nước (*Nguồn kinh phí khuyến công năm 2025 đã bố trí trong dự toán của Sở Công Thương*);

- Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chỉ đạo: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Cơ quan tổ chức: Sở Công Thương Hải Dương.

3. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hải Dương.

4. Đơn vị phối hợp: các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ sở CNNT.

5. Thời gian thực hiện Kế hoạch: Từ tháng 4 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2025.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ sở CNNT kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: CT, TC, NN&MT, NV, KH&CN, VHTT&DL;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp - Sở Công Thương;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT -VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2025

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
NĂM 2025**

☐ cấp Huyện ☐ cấp Tỉnh ☐ cấp Khu vực ☐ cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

.....

Tên viết tắt (nếu có):Mã số (nếu có):

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

Điện thoại:Fax:

Email:Website:.....

Cơ sở công nghiệp nông thôn thu ☐ c trong các lo ☐ i hình sau:

☐ Công ty cổ phần

☐ Doanh nghiệp tư nhân

☐ Trung tâm

☐ Công ty TNHH

☐ Hợp tác xã

☐ Cơ sở sản xuất

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác (ghi rõ lo ☐ i

h ình):.....

Tài khoản số:Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng:Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh(nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (Nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh).....

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp:.....

Các ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn pháp định(đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng lao động hiện đang sử dụng:.....

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:.....

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người :

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

☐Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;

☐Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;

☐Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;

☐Khác (ghi chi tiết).....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

☐Thủ công mỹ nghệ ☐Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí ☐Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, quyền về sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2025

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình

chọn:.....

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình

chọn:.....

Doanh thu của sản phẩm/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình

chọn:.....

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có).....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
Dự kiến hai năm liên kế sau năm bình
chọn:.....

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....

Tỷ lệ nguyên liệu chính sử dụng trong nước:.....%

Tỷ lệ nguyên liệu chính sử dụng nhập khẩu:.....%

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- | | |
|---|--|
| ☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng | ☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu |
| ☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn | ☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm |

☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

☐ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:.....

.....
.....
.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp
--	--

☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
---	---

☐ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):.....

.....
.....

1.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước:.....%

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước:.....%

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....

.....
.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....
.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:

.....
.....
.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên qua: Quy định đối với Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định của pháp luật (giấy phép sản xuất; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm...)

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....

Các giải thưởng, Giấy khen, Giấy chứng nhận, đã đạt được:.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

Sản phẩm tham gia đăng ký bình chọn Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của Cơ sở được sản xuất số lượng lớn, doanh thu lớn, sử dụng nhiều lao động, được thị trường chấp nhận, đã tạo việc làm và thu nhập cho lao động tại địa phương.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 03

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

**UBND HUYỆN (CƠ QUAN, ĐƠN
VỊ).....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THAM GIA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP NĂM 2025**

STT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Số ĐT liên hệ
1				
2				
3				
4				

....., ngày....tháng.....năm 2025
**Chủ tịch UBND huyện (Thủ trưởng cơ
quan/đơn vị)**
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

**TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
I	Tiêu chí đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất	
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường	- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. - Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.
2	Khả năng phát triển sản xuất	- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn. - Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất. - Quy mô sản xuất. - Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác. - Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước. - Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm.
II	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường	
1	Về Kinh tế	- Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế khác.
2	Về Kỹ thuật	- Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm. - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm. - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. - Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,...). - Chất lượng lao động tham gia sản xuất.
3	Về Xã hội	- Khả năng thu hút, giải quyết được việc làm cho lao động. - Thu nhập bình quân của người lao động. - Đánh giá các tác động xã hội khác.
4	Về Môi trường	Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất.

III	Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ	
1	Tính văn hóa	- Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc. - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm.
2	Tính thẩm mỹ	Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp.
IV	Các tiêu chí khác	
1	Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận.
2	Các giải thưởng, khen thưởng	Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được.
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hoạt động công ích xã hội.	- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. - Tham gia các hoạt động công ích xã hội.

Ghi chú: Tùy từng nhóm sản phẩm, đặc tính của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, Trưởng Ban giám khảo có thể xem xét lựa chọn các nội dung trong các tiêu chí nêu trên, đề xuất với Hội đồng bình chọn để đánh giá, chấm điểm cho phù hợp.

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

UBND HUYỆN....

Hội đồng bình chọn....

PHIẾU CHẤM ĐIỂM
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên sản phẩm:

Nhóm sản phẩm:

Mã số bình chọn:

Họ và tên giám khảo:

Chức vụ/Học hàm:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm bình chọn	Ghi chú
1	Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất	40		
2	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường	40		
3	Tiêu chí về tính văn hoá, tính thẩm mỹ	10		
4	Một số tiêu chí khác	10		
	Tổng cộng	100		

Nhận

xét:

....., ngàytháng.....năm.....

Thành viên Ban giám khảo

(ký và ghi rõ họ tên)